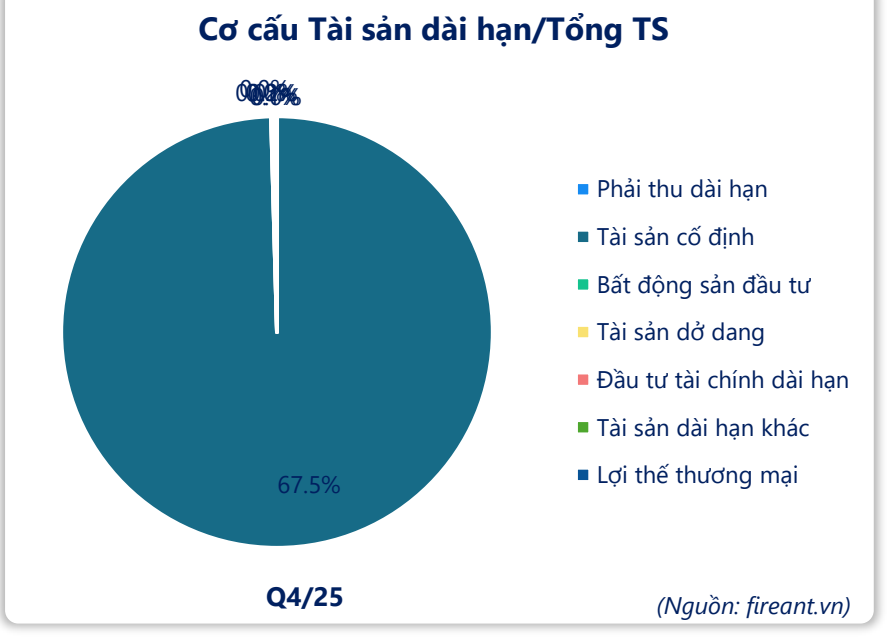
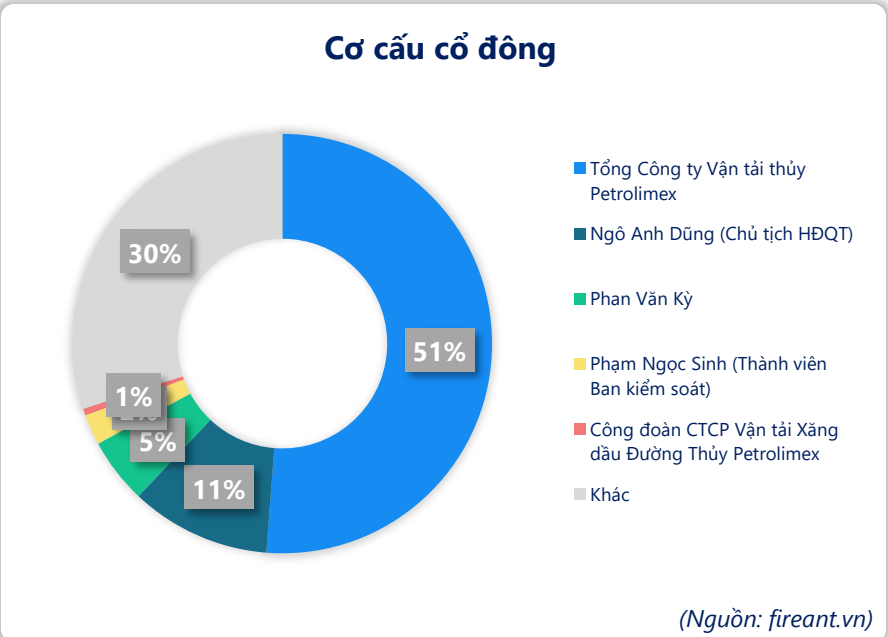
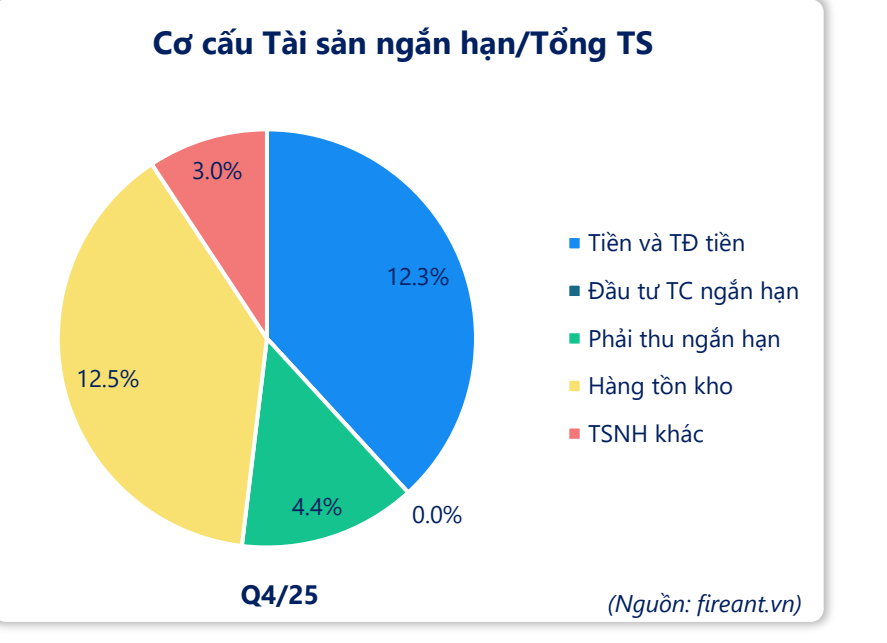
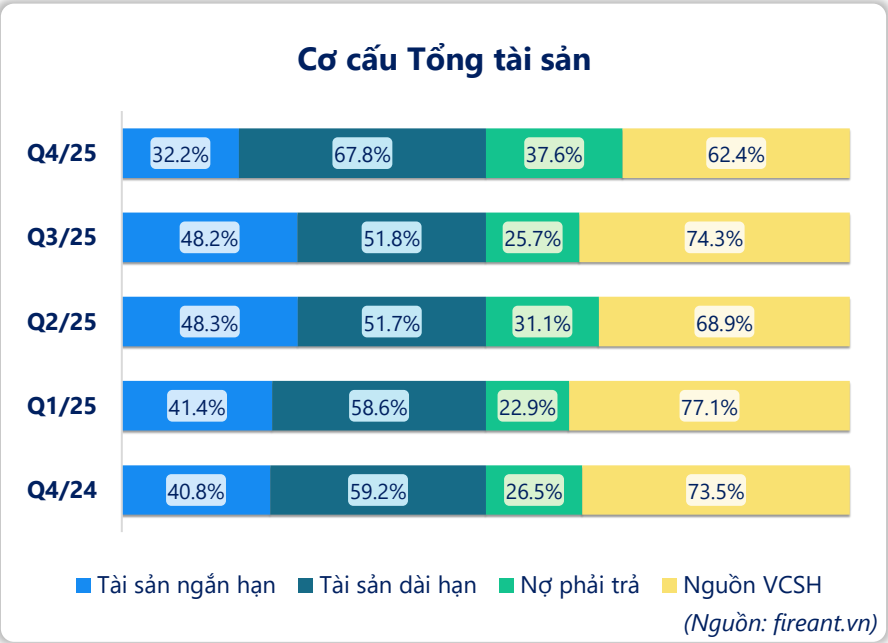
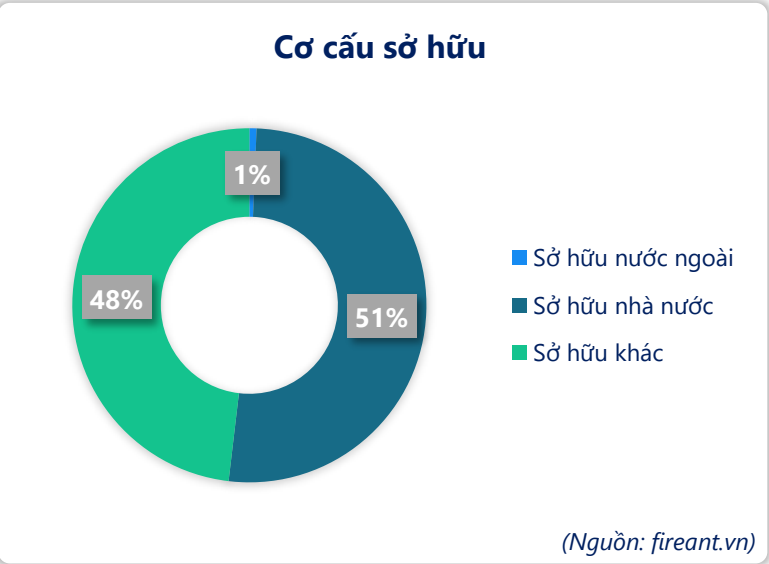
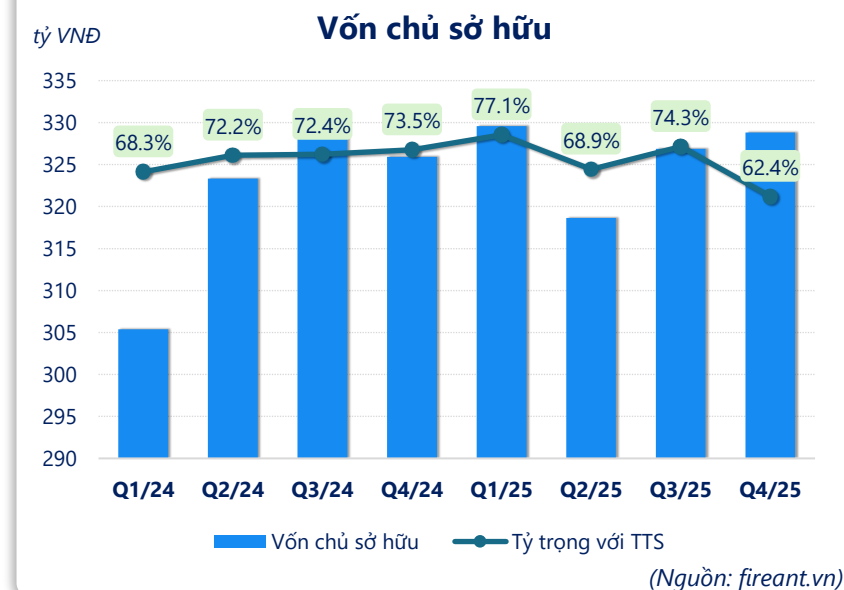
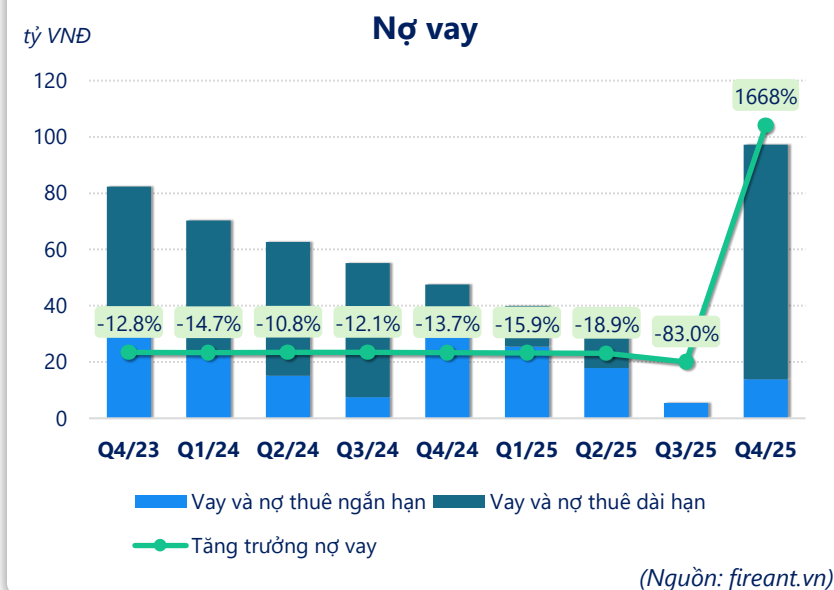
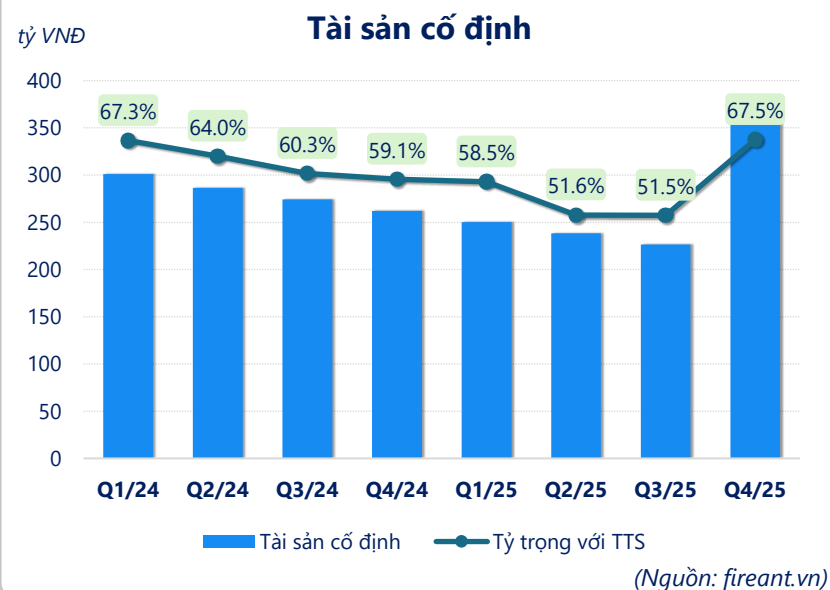
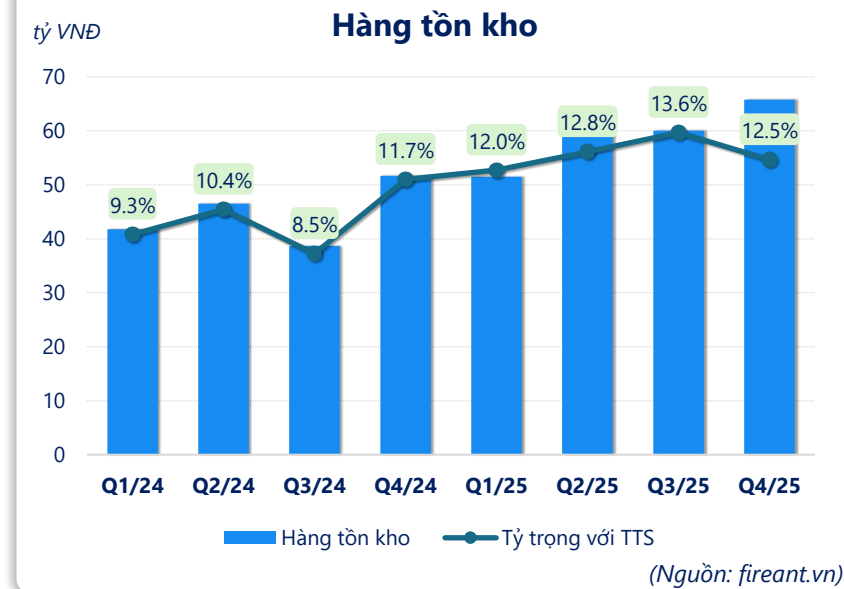
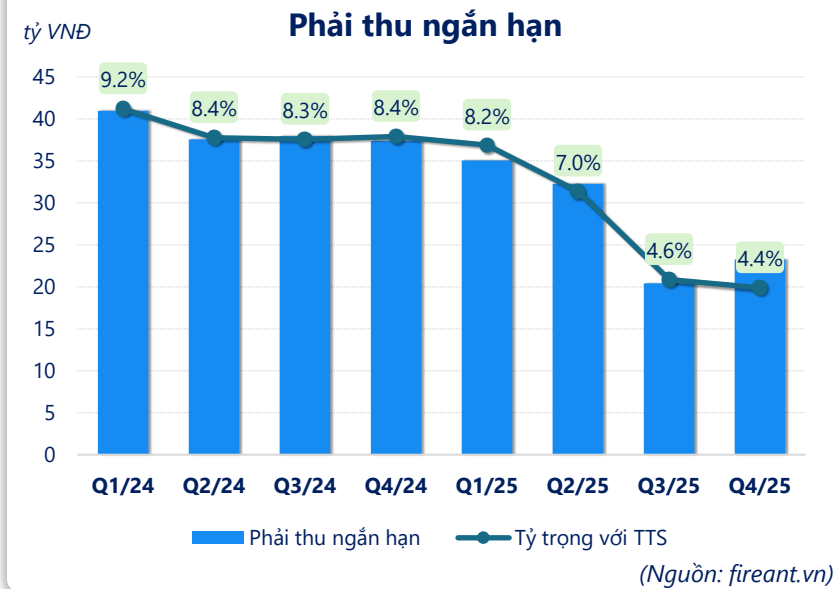
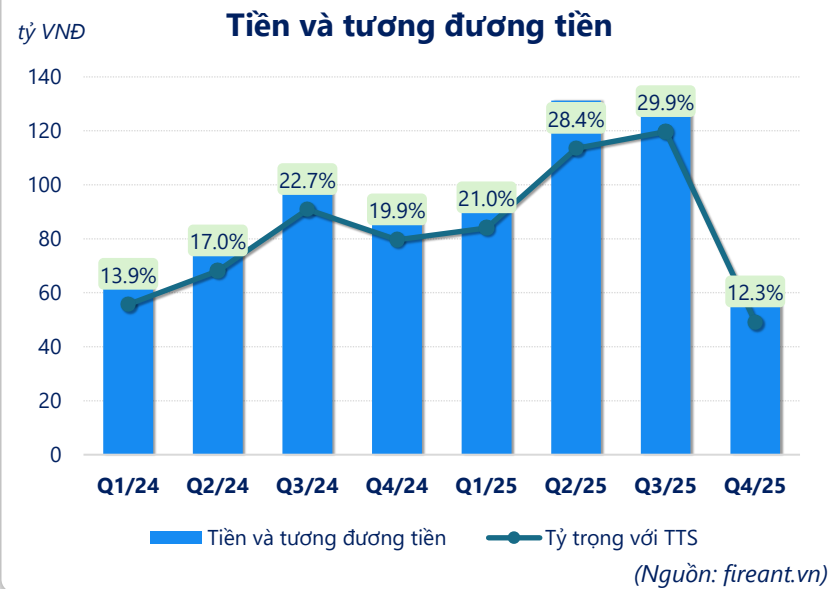
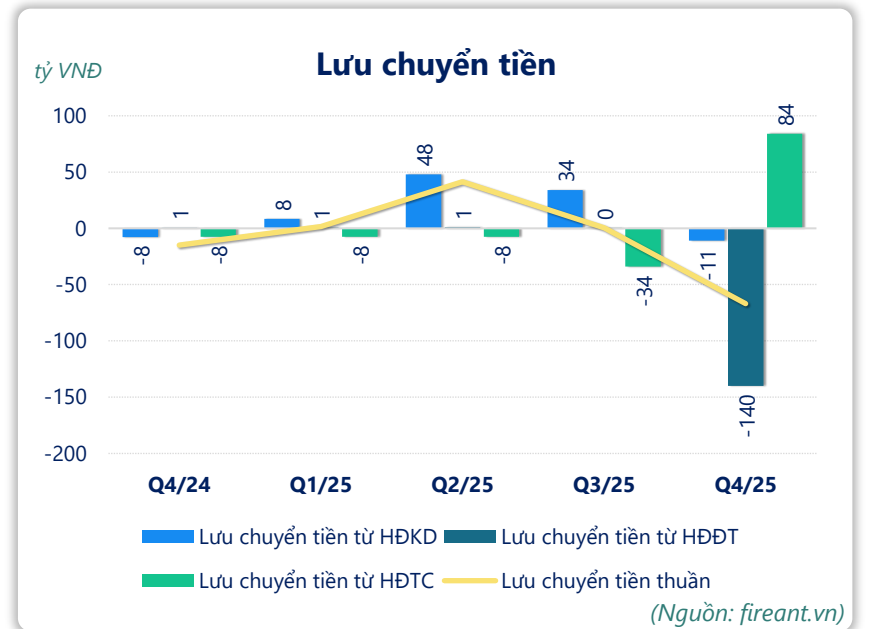
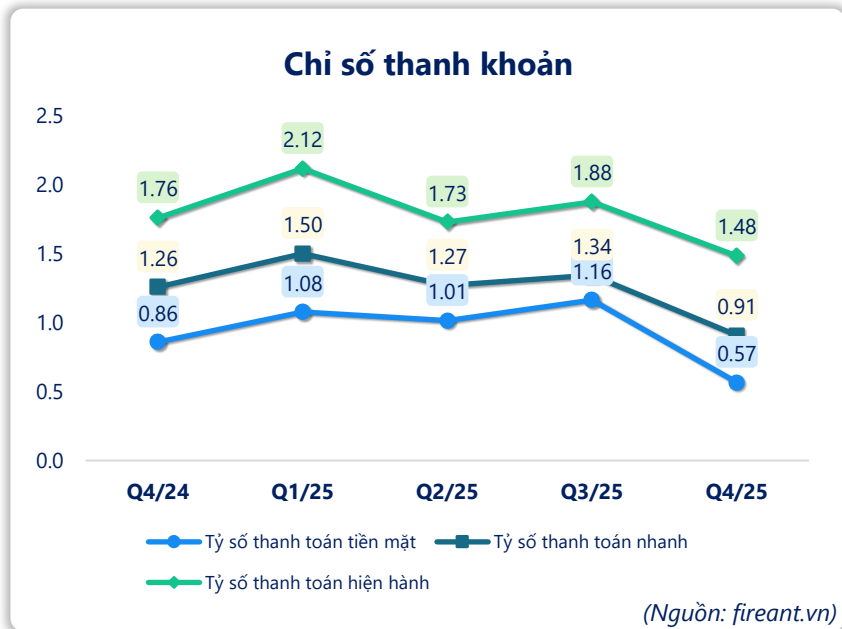
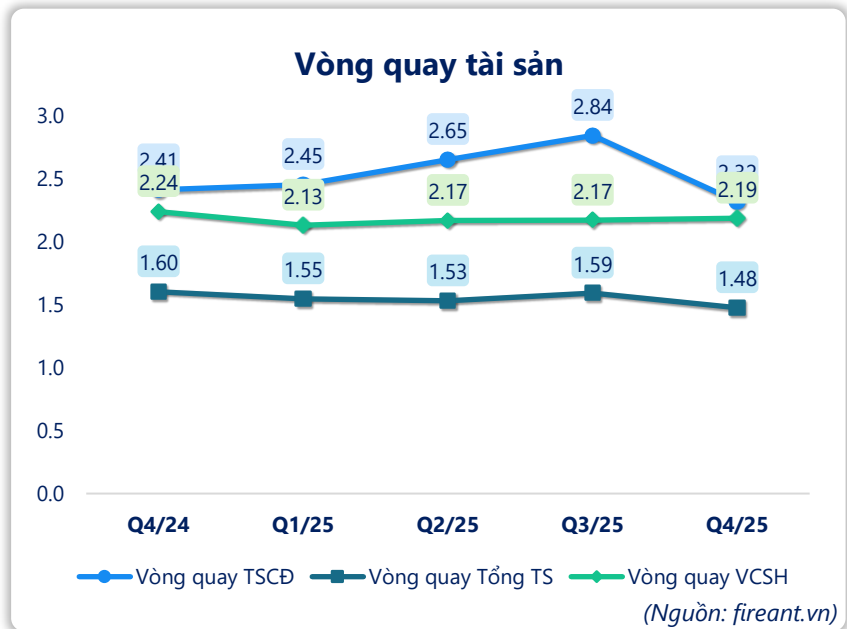
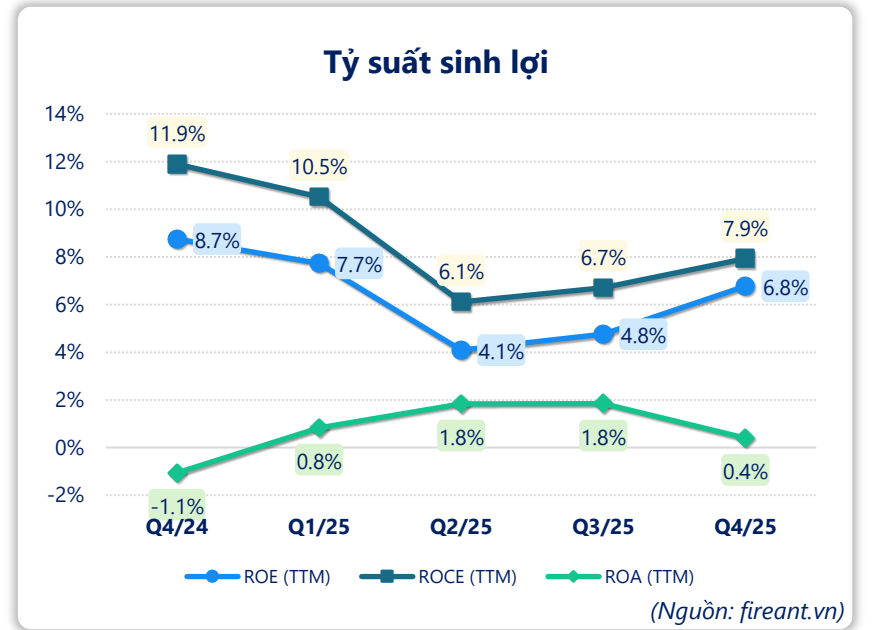
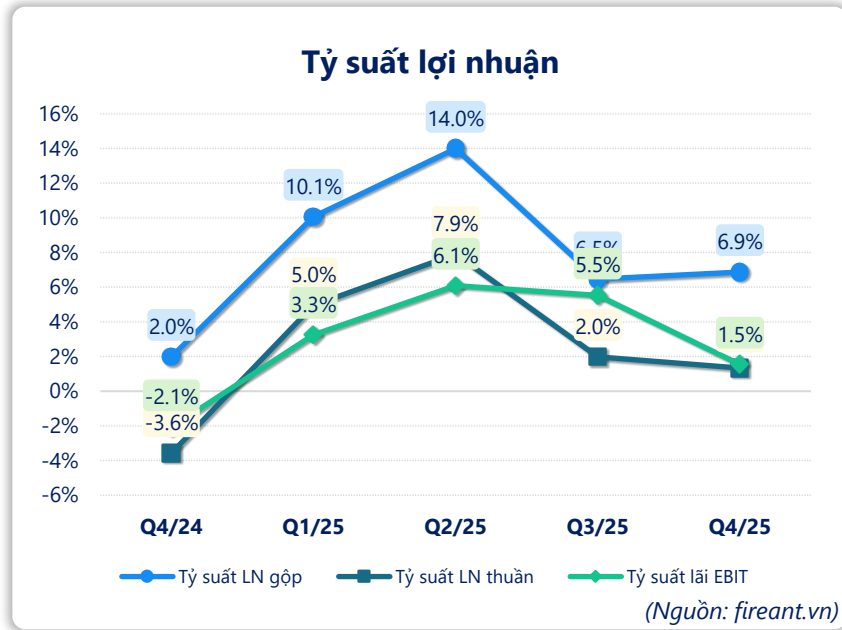
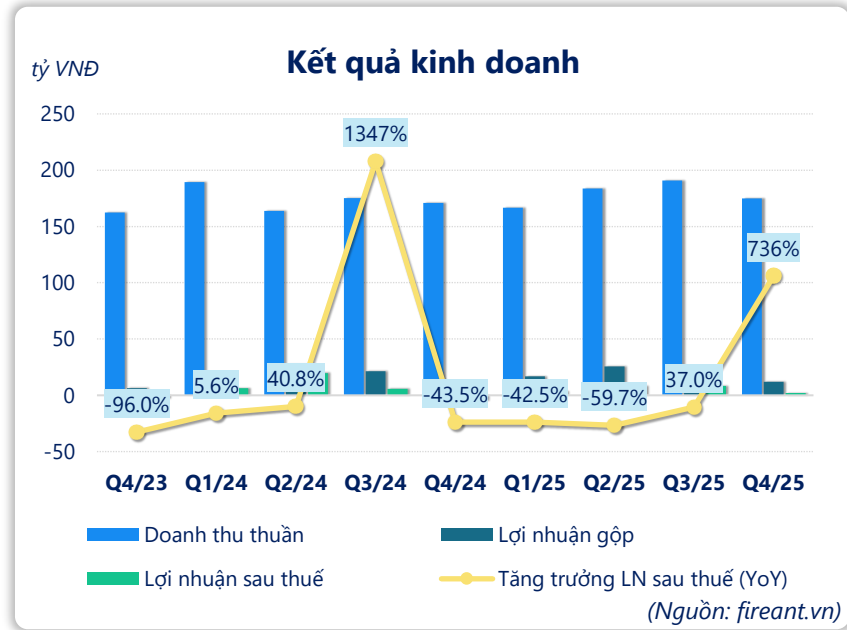


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,525
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,380
SL cổ phiếu LH		24,882,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,110
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		236
P/E		10.7
EPS		891

	YTD	1T	3T	6T
PJT	-6.4%	5.6%	5.6%	-6.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	527	444	18.8%
Tài sản ngắn hạn	170	181	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	64.8	88.2	-26.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	23.3	37.4	-37.7%
Hàng tồn kho	65.8	51.7	27.3%
Tài sản ngắn hạn khác	15.8	3.60	338%
Tài sản dài hạn	357	263	36.0%
Phải thu dài hạn	0.02	0.03	-47.3%
Tài sản cố định	356	262	35.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.05	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.07	168%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	198	118	68.4%
Nợ ngắn hạn	114	103	11.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.9	33.0	-58.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.5	46.6	32.1%
Nợ dài hạn	83.6	14.8	465%
Vay và nợ thuê dài hạn	83.3	14.5	474%
Nguồn vốn chủ sở hữu	329	326	0.9%
Vốn chủ sở hữu	329	326	0.9%
Vốn điều lệ	249	249	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	171	167	184	191	175
Giá vốn hàng bán	167	150	158	178	163
Lợi nhuận gộp	3.39	16.8	25.7	12.3	12.0
Doanh thu HĐTC	0.95	0.70	1.04	1.15	1.26
Chi phí TC	1.02	0.86	0.71	0.21	0.21
Chi phí lãi vay	1.02	0.84	0.71	0.21	0.19
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	9.43	8.36	11.5	9.50	10.8
LN thuần từ HĐKD	-6.10	8.26	14.5	3.78	2.33
Lợi nhuận khác	1.54	-3.67	-4.04	6.56	0.18
LN trước thuế	-4.56	4.58	10.5	10.3	2.51
Lợi nhuận sau thuế	-4.63	3.64	8.35	8.24	1.93
LNST của CĐ cty mẹ	-4.63	3.64	8.35	8.24	1.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.90	8.45	48.0	34.1	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.54	0.72	0.93	0.43	-140
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.57	-7.57	-7.57	-34.0	84.0
Tiền đầu kỳ	103	88.2	89.9	131	132
Lưu chuyển tiền thuần	-14.9	1.61	41.4	0.46	-66.9
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.00	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	88.2	89.9	131	132	64.8

(Nguồn: fireant.vn)